

Số: /BC-UBND

Trà Bông, ngày tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Trà Bông; đề xuất Chương trình giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Công văn số 1202/SNNMT-PQT ngày 04/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc đôn đốc gửi báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề xuất của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số /NNMT ngày / 4/2025, UBND huyện Trà Bông báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

- Nhằm quản lý hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025¹. Theo đó, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Căn cứ nhiệm vụ được giao, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thường xuyên tổ chức các cuộc họp để nghe và chỉ đạo trong việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Các thành viên Ban chỉ đạo được phân công theo dõi dự án, địa bàn đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Các ủy viên thường trực và các ủy viên trong Ban Chỉ đạo được thành lập theo chức danh (không theo tên cụ thể) nên công tác chỉ đạo điều hành luôn được thường xuyên, liên tục không gián đoạn khi có sự thay đổi nhân sự.

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo điều hành của huyện, cấp xã đã thành lập Ban Chỉ đạo và trong quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp xã đã phân công nhiệm vụ cụ thể trong thực hiện các Chương trình cho từng thành viên; đồng thời, phân công cho từng thành viên phụ trách theo dõi, hướng dẫn đến từng thôn, tổ dân phố để thực hiện các Chương trình.

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 22/03/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bông

- Để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và hàng năm, huyện đã ban hành 43 văn bản quản lý, điều hành, trong đó, HĐND huyện ban hành 07 Nghị quyết², UBND huyện ban hành 09 Quyết định³, 27 Kế hoạch và nhiều công văn khác. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cơ bản đầy đủ, kịp thời để triển khai thực hiện Chương trình.

- Cấp xã đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm, đồng thời đã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025 và theo năm.

- Về mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình: Các văn bản quy định của trung ương trong thực hiện đầu tư, hỗ trợ các dự án, tiểu dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đa số quy định thực hiện theo các quy định hiện hành, với nhiều văn bản quy định liên quan, nên các đơn vị triển khai thực hiện phải viện dẫn và đọc nhiều quy định mới có thể triển khai các dự án thuộc Chương trình; Cơ chế thanh quyết toán nguồn vốn sự nghiệp đều thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu (*ngoại trừ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đến năm 2024 mới được tháo gỡ tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024*) nên đã gây không ít khó khăn trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án.

2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình

a) Công tác quản lý, phối hợp thực hiện Chương trình

- Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực về Chương trình ở cấp huyện, đối với cấp xã công chức là người thường trực giúp việc cho Ban Quản lý cấp xã. Từ đó, đã giúp cho Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý cùng cấp kịp thời, theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện và chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, bởi vì: cấp huyện, cấp xã không có cán bộ làm công tác chuyên trách, tất cả đều phải kiêm nhiệm. Từ đó, công tác theo dõi, đánh giá Chương trình đôi lúc chưa kịp thời.

- Hàng năm, UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình; trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án. Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Chương trình và các văn bản hướng dẫn của trung ương, của tỉnh các đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo theo quy định. Từ đó, các dự án, tiểu dự án được triển khai kịp thời, đầy đủ đến cơ sở, cộng đồng và đối tượng.

b) Công tác kiểm tra, giám sát

² 07 văn bản hành chính thông thường

³ 09 văn bản cá biệt

- Công tác theo dõi chỉ đạo điều hành được cụ thể trong các quy định hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp, từ đó mỗi thành viên trong Ban Chỉ đạo đều thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao. Trong đó, có sự phân công, phân nhiệm theo dõi địa bàn, theo dõi tiến độ triển khai của các địa phương, đơn vị. Hằng tháng, quý Ban Chỉ đạo các cấp tổ chức cuộc họp để đánh giá những kết quả làm được, những tồn tại khó khăn để kịp thời tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

- Thực hiện Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 10), UBND huyện giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức các đoàn giám sát định kỳ theo quy định. Đối với các đơn vị là chủ trì dự án, tiểu dự án ngoài việc tham gia giám sát cùng đoàn công tác giám sát của huyện thì cũng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giám sát đối với lĩnh vực được phân công chủ trì dự án, tiểu dự án. Từ đó, kịp thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế để khắc phục.

Tuy nhiên, việc tổ chức nhiều đoàn giám sát theo quy định của Thông tư này, công tác giám sát do các cơ quan, đơn vị khác thực hiện như: Mặt trận, các đoàn thể, Hội đồng nhân dân các cấp ... đã làm tốn nhiều thời gian về khâu chuẩn bị nội dung, thời gian làm việc của địa phương cũng như tại cơ sở...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình

a) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

+ Ngân sách trung ương bố trí giai đoạn 2022-2025: 203.158,444 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 194.816 triệu đồng; sự nghiệp 8.342,444 triệu đồng*); ngân sách địa phương bố trí 21.601,325 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 20.306 triệu đồng; sự nghiệp 1.295,325 triệu đồng*).

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 174.068,57 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 165.913 triệu đồng; sự nghiệp 8.155,57 triệu đồng*); ngân sách địa phương 18.670,04 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 17.415 triệu đồng; sự nghiệp 1.255,04 triệu đồng*).

+ Kết quả thực hiện:

UBND huyện đã quyết định giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và PTQĐ thực hiện đầu tư xây dựng 26 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, trong đó 20 dự án chuyển tiếp (năm 2022 chuyển sang năm 2024) và xây dựng phê duyệt 06 dự án đầu tư công trình đầu tư mới bao gồm: 03 dự án công trình trường học, 03 dự án công trình giao thông; tổng số hộ nghèo, được thụ hưởng từ các công trình 1.778 hộ, trong đó hộ nghèo 1.315 hộ, hộ cận nghèo 370 hộ, năm 2025 thực hiện trả nợ 20 công trình hoàn thành và 06 công trình chuyển tiếp.

Đối với nguồn vốn sự nghiệp các đơn vị, địa phương đã thực hiện duy tu bảo dưỡng 44 công trình hạ tầng bị hư hỏng, xuống cấp. Có khoảng 1.840 hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng từ công trình, trong đó hộ nghèo khoảng 1.300 hộ, hộ cận nghèo khoảng 540 hộ.

Với việc đầu tư công trình hạ tầng thiết yếu trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2022-2024 đảm bảo chất lượng và phát huy hiệu quả, công năng của công trình như: Các công trình trường học đã giúp cho công tác giảng dạy được nâng cao, các em học sinh có môi trường học tập khang trang, giúp trẻ em được tiếp cận giáo dục; công trình giao thông giúp cho người dân đi lại, giao thương hàng hóa, sản phẩm nông lâm nghiệp thuận lợi, công trình nước sinh hoạt đã giải quyết được tình trạng thiếu hụt nước sạch trong sinh hoạt, công trình thủy lợi đã phục vụ công tác tưới tiêu trong sản xuất nông, lâm nghiệp...

- *Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tỉnh Quảng Ngãi không thuộc diện được đầu tư từ Chương trình).*

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Ngân sách trung ương bố trí 32.339 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 4.292,615 triệu đồng

- Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 3.162,75 triệu đồng, ngân sách địa phương 3.914,86 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

Xây dựng và phê duyệt thực hiện 108 dự án án hỗ trợ phát triển sản xuất (loại hình chăn nuôi 100 dự án, loại hình lâm nghiệp 08 dự án) với tổng số lao động được hỗ trợ 1.897 người, trong đó lao động thuộc hộ nghèo 1.102 người, hộ cận nghèo 379 người, hộ mới thoát nghèo 380 người, đối tượng khác thuộc chương trình 36 người. Các dự án, mô hình gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình trong những năm qua các địa phương chủ yếu tập trung thực hiện mô hình “chăn nuôi bò cái sinh sản” là mô hình phù hợp với đặc điểm khí hậu, địa hình ở khu vực nông thôn, khả năng tham gia thực hiện của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị từng bước giúp đối tượng tham gia dự án nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm tham gia liên kết, giữ vững ổn định trong hoạt động sản xuất của các bên tham gia liên kết từ đó giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập, hộ gia đình tự vươn lên thoát nghèo.

c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

+ Ngân sách trung ương bố trí 12.213 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 2.503,032 triệu đồng (*bao gồm vốn năm 2021 là 1.001,32 triệu đồng thực hiện theo cơ chế Chương trình giai đoạn 2016-2020*).

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 10.021 triệu đồng; ngân sách địa phương 1.893,88 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện:

Đối với nguồn vốn năm 2021 thực hiện theo cơ chế Chương trình giai đoạn 2016-2020: Huyện Trà Bồng đã phê duyệt phương án giao rừng gắn với giao đất với kinh phí 1.001,32 triệu đồng.

Đối với nguồn vốn bố trí giai đoạn 2022-2024: Đã phê duyệt và triển khai thực hiện 41 dự án. Các dự án chủ yếu thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu nên các dự án phù hợp với đặc điểm khí hậu, địa hình ở khu vực nông thôn, khả năng tham gia thực hiện của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị từng bước giúp đối tượng tham gia dự án nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm tham gia liên kết, giữ vững ổn định trong hoạt động sản xuất của các bên tham gia liên kết từ đó giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập, hộ gia đình tự vươn lên thoát nghèo.

- Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

+ Ngân sách trung ương bố trí 2.929 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 283 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 1.876,878 triệu đồng; ngân sách địa phương 0 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Tổ chức hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi; Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch; Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em cho trạm y tế xã: 93.100.000đ; làm Pano tuyên truyền (Trà Phong, Trà Xanh, Sơn Trà), in tờ rơi truyền thông (tài liệu tuyên truyền). Tổ chức các buổi truyền thông tại thôn/TDP trong tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ, tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, ngày vi chất dinh dưỡng.... Từ đó, đã nâng cao năng lực cho cán bộ, cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em ở những vùng đặc biệt khó khăn.

d) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

+ Trung ương bố trí 4.308 triệu đồng; ngân sách địa phương bố trí 442,03 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương: 1.503,577 triệu đồng; ngân sách địa phương 51,535 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện:

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trong đó tập trung quảng bá hình ảnh về giáo dục nghề nghiệp; rà soát, thống kê nhu cầu đào tạo, ngành nghề đào tạo để phối hợp các cơ sở đào tạo trong triển khai thực hiện, chú trọng phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, nhằm nâng cao tỷ lệ người lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện, đặc biệt là tại các địa phương có tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt thấp, địa phương trong lộ trình về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025

Số cuộc khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề: 04 cuộc tại các xã TT Trà Xuân, Trà Thủy, Trà Bình, Trà Hiệp

Truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn: Tổ chức 04 ngày hội tư vấn nghề nghiệp - Giới thiệu việc làm thu hút trên 1.600 học sinh, người lao động tham gia; bên cạnh đó, đã thực hiện truyền thông về nghề nghiệp thông qua các bảng Pano tuyên truyền tại 10 xã, thị trấn

- Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Ngân sách trung ương bố trí 2.082 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 208 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 115,56 triệu đồng, ngân sách địa phương 0 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Đã tổ chức các buổi tuyên truyền trực tiếp hỗ trợ cho các lao động trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

+ Ngân sách trung ương bố trí 1.494 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 150 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 259,822 triệu đồng (vốn sự nghiệp), ngân sách địa phương 0 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Kết quả thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện đã giao nhiệm vụ cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã thị trấn tổ chức truyền thông về thị trường lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng; khảo sát, thu thập, lưu trữ thông tin về thị trường lao động; tổ chức điều tra, khảo sát về cung cầu lao động; cập nhật dữ liệu người lao động, thực trạng việc làm của người lao động vào phần mềm quản lý dữ liệu dân cư

Đã tổ chức 07 phiên giao dịch việc làm trong đó có 05 doanh nghiệp, 04 cơ sở đào tạo tham gia và thu hút hơn 1000 lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

Thực hiện Kế hoạch số 177/KH-LĐTBXH ngày 24/5/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023-2025, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện. Kết quả : Có 28.893 lao

động được thu thập, cập nhật thông tin trên hệ thống trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

d) Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

- Ngân sách trung ương bố trí 64.695 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 9.710 triệu đồng.

- Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 59.713 triệu đồng, ngân sách địa phương 8.865,25 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đã thực hiện và hoàn thành việc hỗ trợ cho 1.732 hộ về nhà ở, trong đó thực hiện hỗ trợ xây dựng mới 1.308 hộ, nâng cấp sửa chữa 424 hộ. Các hộ xây dựng, sửa chữa nhà ở đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

Ước thực hiện năm 2025 là 1.242 nhà, trong đó xây mới 886 nhà, sửa chữa 356 nhà.

e) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

- + Ngân sách trung ương bố trí 1.302 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 138,07 triệu đồng.

- + Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 1.302 triệu đồng, ngân sách địa phương 62,814 triệu đồng.

- + Kết quả thực hiện: Để triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ giảm nghèo về thông tin cho nhân dân trên địa bàn huyện, UBND huyện đã phê duyệt kế hoạch và giao Phòng VH TT triển khai thực hiện lắp đặt, hoàn thiện Đài Truyền thanh cơ sở của xã : Trà Tân, Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Thủy, xã Trà Hiệp, Trà Lâm. Số xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo được tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội: 06 xã

- Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- + Ngân sách trung ương bố trí 775 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 77 triệu đồng.

- + Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 391,419 triệu đồng, ngân sách địa phương 38,385 triệu đồng.

- + Kết quả thực hiện: Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (phóng sự, Pa nô, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...) định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; xây dựng trang tin điện tử về giảm nghèo trên trang điện tử của huyện Trà

Bồng, đã đăng tải các thông tin có liên quan đến Chương trình, các gương điển hình trong công tác giảm nghèo. Tổ chức 15 cuộc đối thoại chính sách.

g) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

+ Ngân sách trung ương bố trí 2.760 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 323 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 1.112,572 triệu đồng, ngân sách địa phương 177,5 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Tổ chức 9 lớp tập huấn với 1.518 lượt người tham dự, tổ chức 02 đoàn học tập kinh nghiệm về các nội dung triển khai thực hiện các dự án, tiêu dự án thuộc Chương trình.

- Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá

+ Ngân sách trung ương bố trí 1.548 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 155 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Ngân sách trung ương 402,579 triệu đồng, ngân sách địa phương 39,032 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: UBND huyện đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác tổ chức đánh giá, giám sát chương trình trong năm 2022, 2023, 2024 và giao nhiệm vụ cho các cơ quan chủ dự án, Ban giám sát cộng đồng cấp xã triển khai thực hiện công tác giám sát, đánh giá chương trình. Hoạt động kiểm tra: Cấp huyện đã tổ chức kiểm tra 09 lần (Các phòng ban: 06, UBND huyện 03), cấp xã: 26 lần. Hàng năm, UBND huyện xây dựng Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, chỉ đạo thực hiện xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo, cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo (cập nhật đạt 100% dữ liệu Hộ nghèo, cận nghèo vào dữ liệu dân cư)

2. Kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 -2025: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cuối năm 2024 trên địa bàn huyện Trà Bồng tỷ lệ hộ nghèo 20,12%, tỷ lệ hộ cận nghèo 11,01%. So với đầu kỳ (năm 2022) đã giảm 22,4% hộ nghèo, giảm 7,79% hộ cận nghèo.

- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện⁴: Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn trong tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 13/16 xã, tỷ lệ 81,25%;

- Thu nhập bình quân đầu người ước đến năm 2025: trên địa bàn huyện là 35 triệu đồng/năm.

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

⁴ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ

- *Chính sách hỗ trợ về y tế:* Đã gia hạn và cấp mới 38.964⁵ thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, góp phần nâng tỷ lệ người tham gia BHYT toàn dân đạt 98,61% dân số; các chương trình MTQG về y tế được triển khai có hiệu quả; 70% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 22,9%.

- *Chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo:* Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh với tổng số tiền trên 1.920 triệu đồng, gồm miễn, giảm, cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non, mẫu giáo; hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - TB&XH, Bộ Tài chính. Ngoài ra, công tác khuyến học, khuyến tài, xã hội hóa giáo dục được quan tâm; các Trung tâm học tập cộng đồng từng bước được củng cố; duy trì tốt số lượng học sinh học nghề phổ thông, tỷ lệ tốt nghiệp nghề đạt 98%.

- *Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội:* Đã thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 8.122 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền hơn 1.800 triệu đồng.

- *Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo:* Công tác tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật nói chung công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo đã được các ngành, hội đoàn thể các cấp và các địa phương phối hợp tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, nhất là trong công tác tuyên truyền thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác hòa giải cơ sở. Qua đó các mâu thuẫn tranh chấp trong Nhân dân được hòa giải ngay tại cơ sở, giảm dần tình trạng đơn thư khiếu kiện vượt cấp, góp phần hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật, ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- *Chính sách tín dụng ưu đãi:* Tổng doanh số cho vay trong giai đoạn năm 2021-2024 đạt 428.464 triệu đồng, với 9.648 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn (trong đó: Năm 2021 giải ngân được 86.408 triệu đồng/2.239 lượt khách hàng; Năm 2022 giải ngân được 99.903 triệu đồng/2.411 lượt khách hàng; Năm 2023 giải ngân được 100.558 triệu đồng/ 2.254 lượt khách hàng; năm 2024 giải ngân được 141.595 triệu đồng/2.744 lượt khách hàng.). Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách ước đến cuối năm 2025 đạt 547.712 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh chung về thiết kế Chương trình

⁵3.590 BHYT người có công, CCB và thân nhân NCC; 17.636 BHYT trẻ em dưới 6 tuổi; 9.673 BHYT NCT và các đối tượng BTXH; 8.065 BHYT người thuộc hộ nghèo, cận nghèo

- Hầu hết các mục tiêu phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản chưa bao phủ với các dự án, tiểu dự án của Chương trình như: nhà ở, nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh, tiếp cận thông tin...

- Số lượng dự án, tiểu dự án như thiết kế giai đoạn 2021-2025 là phù hợp. Tuy nhiên, Dự án 2 với Tiểu dự án 1, Dự án 3 có cùng chung một cơ chế, cách thức thực hiện nên có sự trùng lặp về hoạt động.

- Về nội dung hỗ trợ: Phù hợp và cụ thể với từng đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác thuộc Chương trình.

- Về đối tượng: Đối tượng thụ hưởng của Chương trình tương đối rõ ràng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...). Tuy nhiên, đối tượng khác trong hoạt động phát triển sản xuất của Chương trình chưa nêu cụ thể có được hỗ trợ, thụ hưởng từ dự án, tiểu dự án hay không nên còn mang tính chung chung dẫn đến khó thực hiện.

- Về công tác chỉ đạo, điều hành: Cơ bản công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành văn bản pháp lý của trung ương, của tỉnh rất đầy đủ, chi tiết, tuy nhiên văn bản ban hành còn chậm, lại dẫn chiếu rất nhiều văn bản liên quan khác nên khi thực hiện tốn rất nhiều thời gian để triển khai, làm chậm tiến độ.

2. Công tác kiểm tra giám sát và truyền thông

- Công tác tổng hợp báo cáo tốn rất nhiều thời gian do hệ thống biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Do đó, cần có hệ thống phân mềm, cơ sở dữ liệu tự đánh giá và quy định cụ thể công tác cập nhật thông tin đối với các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện dự án, tiểu dự án hằng tuần, tháng trong năm làm cơ sở để cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

- Hội đồng nhân dân các cấp thường xuyên tổ chức các đoàn giám sát đến cơ sở để giám sát công tác giảm nghèo. Qua đó, đã kịp thời phát hiện những tồn tại, thiếu sót và chấn chỉnh trong quá trình thực hiện chính sách, dự án giảm nghèo ở địa phương, cơ sở.

- Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, thông tin luôn được quan tâm tổ chức triển khai thực hiện, trong đó chú trọng đến công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong công tác giảm nghèo trên các phương tiện thông tin đại chúng (chuyên mục trên các báo, đưa tin bài trên các cổng thông tin điện tử); tổ chức Hội nghị tuyên truyền thúc đẩy phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “vì một Việt Nam không còn nghèo đói”; tổ chức Hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; nói chuyện tuyên truyền nâng cao nhận thức thoát nghèo; tuyên truyền thông qua các cuộc họp thôn, tổ dân phố; công tác giảm nghèo cũng được tổ chức tuyên truyền qua các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với nhân dân. Bên cạnh đó, công tác

tuyên truyền cũng được thông qua hình thức tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, công tác tập huấn cho đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất. Từ đó, các dự án, chính sách giảm nghèo đã đi vào thực tiễn, nhận thức của người dân đã dần thay đổi, nhất là người dân đã dần thấy được trách nhiệm của mình đối với công tác giảm nghèo đó là tích cực lao động sản xuất để tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Hoạt động truyền thông được triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức, sâu rộng và mang lại nhiều hiệu quả. Tuy nhiên, hình thức truyền thông theo phương châm “đi từng ngõ, gõ cửa từng nhà” chưa được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

3. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

Tổng nguồn vốn huy động giai đoạn 2021-2025 là 334.975,379 triệu đồng⁶, gồm: Ngân sách Trung ương là 301.542,780 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 165.913 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 135.629,780 triệu đồng*), ngân sách tỉnh là 30.950,172 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 16.591 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 14.359,172 triệu đồng*) và vốn đối ứng ngân sách huyện 2.482,445 triệu đồng (*Trong đó: Vốn sự nghiệp là 2.482,445 triệu đồng*).

- Vốn tín dụng: 547.712 triệu đồng (*thực hiện cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đối tượng chính sách xã hội khác*).

- Vốn huy động khác: 3.156 triệu đồng (*huy động từ người dân bằng ngày công, hiện vật*). Việc huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình hằng năm và giai đoạn đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đề ra. Đối với việc phân bổ vốn thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo từng dự án, tiểu dự án nên tạo sự công bằng, minh bạch trong quá trình thực hiện, tuy nhiên việc phân bổ theo định mức dẫn đến chưa có sự linh động trong điều chỉnh nguồn vốn giữa các dự án, tiểu dự án theo nhu cầu thực tế phát sinh.

4. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Mục tiêu của Chương trình

⁶ Trong đó: (1) Kế hoạch vốn năm 2022: Phân bổ là 86.105,952 triệu đồng, gồm: Ngân sách Trung ương là 77.631,780 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 67.011 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 10.620,78 triệu đồng*) và ngân sách tỉnh là 8.474,172 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 6.701 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 1.773,172 triệu đồng*); (2) Kế hoạch vốn năm 2023: Phân bổ là 108.334,445 triệu đồng, gồm: Ngân sách Trung ương là 96.152 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 42.601 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 53.551 triệu đồng*) và ngân sách tỉnh là 9.700 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 4.260 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 5.440 triệu đồng*) và vốn đối ứng ngân sách huyện là 2.482,445 triệu đồng (*Trong đó: Vốn sự nghiệp là 2.482,445 triệu đồng*); (3) Kế hoạch vốn năm 2024: Phân bổ là 140.535 triệu đồng, gồm: Ngân sách Trung ương là 96.152 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 42.601 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 53.551 triệu đồng*) và ngân sách tỉnh là 12.776 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư công là 5.630 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 7.146 triệu đồng*);

- Tỷ lệ hộ nghèo đầu kỳ trên địa bàn huyện có 42,52%, ước thực hiện đến cuối năm 2025 giảm xuống còn 6,42%, giảm 36,1%, bình quân mỗi năm giảm 9,025%/năm, vượt chỉ tiêu tỉnh giao 4,525% (chỉ tiêu giao giảm từ 4-4,5%/năm).

- Ước đến cuối năm 2025 trên địa bàn huyện có 02 xã thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn (Trà Tân, Trà Giang)

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số: Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số đầu kỳ có 64,13%, ước đến cuối năm 2025 giảm xuống còn 9,78%, giảm 54,35%, bình quân mỗi năm giảm 13,58%/năm vượt chỉ tiêu giao (giảm trên 7%/năm).

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 14 mô hình giảm nghèo, phê duyệt thực hiện 149 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

- 100% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo, đạt 100% so với kế hoạch đến năm 2025.

Kết quả thực hiện mục tiêu nhiệm vụ phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ Có trên 260 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công, đạt 86,6% so với kế hoạch đến năm 2025;

+ Có trên 447 người lao động được hỗ trợ đào tạo, đạt 89,4% so với kế hoạch đến năm 2025; trong đó, có khoảng 199 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 159 hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo). Không có người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, đạt 0% so với kế hoạch đến năm 2025.

- Về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi xuống dưới 35,1% đạt 96,86% so với kế hoạch đến năm 2025 (dưới 34%).

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 94,8%, **đạt 99,78% so** với kế hoạch đến năm 2025 (đạt 95%);

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 50%, tỷ lệ 83,33% so với kế hoạch đến năm 2025, (chỉ tiêu đến năm 2025 đạt 60%), trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 22,7% (chỉ tiêu đến năm 2025 đạt 25%); 80% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

- Về nhà ở: Ước đến cuối năm 2025 xây dựng và sửa chữa cho 2.974/3.050 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững, đạt tỷ lệ 97,5% so với kế hoạch đến cuối năm 2025.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh: ước đến năm 2025 có 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tỷ lệ 100% so với kế hoạch năm 2025; ít nhất 40% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ 100% so với đến hoạch đến năm 2025.

- Về thông tin: 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet, tỷ lệ 106% so với kế hoạch đến năm 2025; 80% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông, tỷ lệ 94,11% so với kế hoạch đến năm 2025.

Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản chưa phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các chính sách dự án, giảm nghèo chưa được bao phủ, chưa tác động trực tiếp đến các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện đã thực hiện đảm bảo các nguyên tắc của Chương trình về: đối tượng ưu tiên, các hoạt động của dự án đảm bảo tính công khai, dân chủ đã phát huy tính chủ động, sự tham gia của người dân, thông qua các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh; đối tượng hỗ trợ được ưu tiên hỗ trợ là hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 108/2023/QH15 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/QH15

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội

- Huyện không thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 2024-2025.

- Việc điều chỉnh nguồn vốn sự nghiệp từ các dự án khác theo Nghị quyết số 111 đã tạo điều kiện thuận lợi cho huyện triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc điều chỉnh chỉ áp dụng đối với kế hoạch vốn hằng năm, chưa quy định đối với kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nên quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, chưa điều chỉnh được kế hoạch vốn trung hạn từ dự án này sang dự án khác.

- Ủy thác vốn của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội: Chưa thực hiện

.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 108/2023/QH15

- UBND huyện đã ban hành 01 Chỉ thị⁷ để chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nói riêng, đồng thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Căn cứ các quy định thực hiện Chương trình hiện hành, các địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức (phóng sự truyền hình, truyền thanh, tin bài trên báo chí, đối thoại trực tiếp với người dân, tờ rơi, pa nô, sân khấu hóa, hội nghị tập huấn...). Từ đó, các chính sách, pháp luật giảm nghèo đi vào cuộc sống;

- Để triển khai thực hiện Chương trình, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện, trong đó đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện đẩy mạnh công tác vận động nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và thực hiện giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động người dân và đoàn viên, hội viên trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình. Phát huy tốt vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện trong công tác giảm nghèo bền vững của huyện; chỉ đạo các phòng, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 108 đã tạo điều kiện cho huyện chuyển nguồn vốn trong năm 2022, 2023 chưa giải ngân hết sang năm 2024 tiếp tục thực hiện và giải ngân; từ đó kế hoạch vốn các năm trước được thực hiện theo kế hoạch đề ra.

⁷ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 26/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng Về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Việc thực hiện Chương trình được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của UBND tỉnh, Sở, ban ngành tỉnh, của Huyện ủy, UBND huyện và các cấp chính quyền ở địa phương; UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực tham mưu cho UBND huyện trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện và đạt được những kết quả tích cực; UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, điều hành thực hiện các Chương trình; các cơ quan thường trực Chương trình và các cơ quan, đơn vị kịp thời tham mưu, triển khai các văn bản cấp trên, đôn đốc các địa phương thực hiện theo đúng quy định, nội dung chương, đảm bảo tính chính xác, nội dung hỗ trợ; đồng thời, hướng dẫn các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định, đảm bảo công tác an sinh xã hội của huyện.

- Các đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần đã chủ động, tích cực tham mưu UBND huyện triển khai và tổ chức thực hiện kịp thời. Các cấp chính quyền địa phương đã chủ động, phối hợp tuyên truyền về các nội dung, dự án của Chương trình, qua đó giúp cho người nghèo, cận nghèo tiếp cận đầy đủ các chính sách trợ giúp của Nhà nước, tự lực vươn lên thoát nghèo, dần xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và cộng đồng xã hội.

(5) Mô hình “các cơ quan, đơn vị, trường học giúp đỡ thôn thuộc xã nghèo có tỷ lệ hộ nghèo trên 30%” tiếp tục phát huy hiệu quả, hộ nghèo được tiếp cận nhiều nguồn hỗ trợ khác nhau như hỗ trợ xây dựng nhà, hỗ trợ về vốn, giống cây trồng, vật nuôi phát triển sản xuất,... Qua đó, giúp đỡ người nghèo có thêm điều kiện khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Nguồn vốn đầu tư được triển khai theo pháp luật đầu tư công nên các địa phương, đơn vị đã có kinh nghiệm tổ chức triển khai thực hiện và tỷ lệ giải ngân hàng năm đạt tỷ lệ cao (cơ bản hoàn thành kế hoạch vốn). Đến những tháng cuối năm 2023 các văn bản pháp lý cơ bản được hoàn thiện tạo điều kiện để tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, đặc biệt là hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng khác tiếp cận được nguồn vốn của Chương trình, tạo việc làm tăng thu nhập để tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đều đạt kết quả theo lộ trình kế hoạch giai đoạn 2021-2025, nhất là mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vượt mục tiêu tỉnh giao.

- Việc huy động nguồn lực ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hàng năm đều đảm bảo theo kế hoạch đề ra tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Về tiến độ thực hiện nguồn vốn đầu tư của hàng năm đều đạt tỷ lệ giải ngân trên 90%, kế hoạch vốn giao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Với những kết quả đạt được nêu trên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

- Nhu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng lớn trong huy nguồn lực thực hiện chính sách còn chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành về các Chương trình có điểm chưa thống nhất, chưa phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, bên cạnh đó các văn bản hướng dẫn hay thay đổi, điều chỉnh nhiều lần.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách ở cơ sở tuy có quan tâm nhưng chưa được thường xuyên; nhận thức, trách nhiệm của người dân tham gia vào công tác tuy có chuyển biến nhưng còn hạn chế, một số bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn biểu hiện tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Các văn bản pháp lý đến những tháng cuối năm 2023 mới được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nên việc triển khai các dự án, tiểu dự án còn chậm so với kế hoạch đề ra. Cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở xã, huyện hầu hết là kiêm nhiệm, thiếu ổn định, thường xuyên thay đổi, luân chuyển nên gây không ít khó khăn trong công tác tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình. Do đó, tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn các năm còn thấp.

- Việc huy động lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người có thu nhập thấp tham gia học nghề gặp nhiều khó khăn (*bản thân người lao động không muốn tham gia học nghề*) nên không thể triển khai đặt hàng đào tạo nghề cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nghề, khó khăn trong giải ngân nguồn kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 4. Đồng thời công tác vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chính là người lao động không muốn đi làm việc xa nhà; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động chưa phối hợp trong cung cấp chứng từ thanh toán để hỗ trợ cho lao động hoàn thiện hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ, đảm bảo quyền và lợi ích và giảm chi phí cho người lao động sinh sống tại huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đối với Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Đối tượng là hộ cận hộ nghèo không thuộc đối tượng được vay vốn tín dụng chính sách ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ để có thêm nguồn kinh phí để triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, mức hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, còn quá thấp, không đảm bảo để thực hiện xây dựng trên địa bàn miền núi.

- Ngân sách huyện còn nhiều khó khăn, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách cấp trên nên việc cân đối, bố trí vốn đối ứng gặp rất nhiều khó khăn, chưa đảm bảo theo quy định.

- Việc thực hiện giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (không có khả năng lao động, không có đất sản xuất) gặp nhiều khó

khẩn; các chính sách hiện nay của Chương trình khó tác động để thoát nghèo bền vững.

3. Bài học kinh nghiệm

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng làm chuyển biến nhận thức của người nghèo, không ỷ lại trông chờ vào nhà nước, có ý thức tự lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo là chính.

- Thiết lập cơ chế phân bổ ngân sách công bằng, minh bạch và có tính khuyến khích cao, tạo điều kiện cho địa phương chủ động trong việc huy động nguồn lực tại chỗ cũng như lồng ghép với các nguồn khác, không hỗ trợ cho đối tượng mang tính cào bằng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không thất thoát; kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí của chương trình không đúng mục đích, không có hiệu quả.

- Phát huy năng lực, giao khoán cho cộng đồng trong đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh phù hợp.

- Chỉ thực hiện hỗ trợ cho người dân trong hoạt động phát triển sản xuất khi người dân thực hiện đảm bảo các điều kiện theo quy định (*đối ứng kinh phí, có tư liệu sản xuất, mô hình, có liên kết tiêu thụ sản phẩm...*); nhân rộng các mô hình, dự án phát triển sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

- Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện cấp trung ương phải kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, xác thực tiễn, cấp cơ sở chỉ căn cứ thực hiện thì Chương trình sẽ phát huy hiệu quả sớm, thuận lợi hơn.

VI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị trung ương xem xét bổ sung cho các đối tượng là hộ cận hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được vay vốn tín dụng chính sách ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ để có thêm nguồn kinh phí để triển khai thực hiện xây nhà ở.

- Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Sửa đổi, bổ sung Phiếu B1, B2 và hướng dẫn Phiếu A, B kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo hướng việc xác định thiếu hụt thẻ bảo hiểm y tế dựa trên cơ sở thành viên hộ gia đình có hay không có thẻ bảo hiểm y tế tại thời điểm rà soát, kể cả đối tượng do ngân sách nhà nước đóng (vẫn được tính là có thẻ bảo hiểm y tế, không thiếu hụt).

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

- Đến cuối năm 2030 giảm 80% số hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động. Theo đó, đề ra các chỉ tiêu theo các chỉ số thiếu hụt: Việc làm, tiếp cận thông tin, nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, nhà ở...;
- 80% đường liên thôn, đường đến khu sản xuất, trồng trọt được bê tông hóa;
- 100% công trình thủy lợi được bê tông hóa;
- 50% các xã, thị trấn có ít nhất 01 doanh nghiệp/hợp tác xã đầu tư sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ khác.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Có các Dự án riêng từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện tạo việc làm tại chỗ; tạo việc làm thông qua các doanh nghiệp, khu công nghiệp; tạo việc làm thông qua đi làm việc ở nước ngoài cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (với nội dung hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia trong dự án: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác).
- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Pa nô, áp phích, tờ rơi, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, đối thoại, sân khấu hóa, hội nghị, họp lồng ghép tại thôn, trực tiếp đến hộ gia đình (quan tâm đến mức hỗ trợ cho người trực tiếp tuyên truyền, các cuộc họp tại thôn)....
- Đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh cấp xã.
- Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, hợp tác xã (đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất) để đầu tư sản xuất trên địa bàn huyện nghèo, trực tiếp thu mua sản phẩm đầu ra của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (điều kiện, mức hỗ trợ theo số lượng đối tượng tham gia chuỗi cung ứng, cung cấp sản phẩm đầu ra).
- Hỗ trợ tập huấn, học tập kinh nghiệm; kiểm tra, giám sát, báo cáo.
- Cơ chế quản lý thực hiện :
 - + Đề nghị tách đối tượng hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng lao động thuộc đối tượng bảo trợ xã hội ra khỏi Chương trình.
 - + Các chính sách, dự án cần bám sát vào các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng miền về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh. Cần có cơ chế chung để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay, tránh trùng lặp về nội dung của 03 Chương trình.
 - + Việc theo dõi, giám sát, đánh giá các chương trình: Cần xây dựng phần mềm báo cáo trực tuyến đến cấp xã, đơn vị trực tiếp thực hiện Chương trình; đồng

thời, hạn chế những trường số liệu không liên quan đến chính sách của chương trình.

- Nguồn lực khoảng 500.000 triệu đồng, bao gồm vốn ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 15% so với ngân sách trung ương.

UBND huyện kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và môi trường;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng: NN&MT; Tài chính- Kế hoạch; Dân tộc và Tôn giáo;
- UBND các xã, thị trấn;
- VPHĐND&UBND: CVP, PCVP, CVMN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Sương